

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 272/2024/DS - PT

Ngày 30 – 8 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2024/TLPT- DS ngày 28 tháng 7 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2024/DS - ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo, kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 231/2024/QĐ- PT ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 257/2024/QĐ – PT ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Trường L; địa chỉ: 0 T, phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang C; địa chỉ: 5 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H; địa chỉ: E N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị Thu H: Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: A P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn P: Ông Phạm Văn N - Luật sư thuộc Văn phòng L1, đoàn Luật sư tỉnh Đ; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H;

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Trường L và ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H là anh em trong gia đình (bà H là em gái của ông Phan Trường L) do có mối quan hệ anh em trong nhà nên vợ chồng ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H có đặt vấn đề nhờ ông Phan Trường L vay tiền, bản thân ông Phan Trường L không có tiền nên ông Phan Trường L có làm hợp đồng thế chấp căn nhà 0 T, phường A. Quận A, TP Hồ Chí Minh để vay tiền ngân hàng V chi nhánh G để vay tiền với tiền 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng). Việc vay Ngân hàng xảy ra nhiều lần đáo hạn để vay tiền cho ông P, bà H và lần vay cuối cùng là 7.000.000.000 đồng tại ngân hàng V. Mục đích vay để kinh doanh mua bán và mở công ty TNHH X. Sau khi ngân hàng giải ngân thì vợ chồng ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H là người trực tiếp lấy số tiền này từ ông L. Ông P và bà H là người trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng cả gốc và lãi. Đến ngày 13/4/2022 ông P và bà H không tiếp tục trả góp cho Ngân hàng được nữa nên ông Lê Văn P viết xác nhận với số tiền 5.500.000.000 đồng vì không có khả năng để nộp góp và nhờ anh em giúp đỡ một thời gian khoảng 1 năm thì tiếp tục để nộp góp cho Ngân hàng. Tuy nhiên ông P và bà H không thực hiện. Nay đã đến hạn trả nợ Ngân hàng yêu cầu ông L trả số tiền gốc và lãi thì ông L có yêu cầu ông P, bà H trả nhưng vợ chồng ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H không trả cho ông Phan Trường L để ông Phan Trường L trả cho ngân hàng, ông Phan Trường L đã đòi nhiều lần nhưng ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H không trả lần tránh không gặp ông Phan Trường L để giải quyết vụ kiện. Do vậy ông Phan Trường L làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H hoàn trả số tiền 5.500.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng của ngân hàng V ngày 04/4/2022 là 15%/năm kể từ ngày 25/6/2023 đến ngày 05/9/2023 là 228.024.362 đồng tiền lãi và tiếp tục trả lãi đến khi trả nợ xong.

Ngày 26/01/2024 đại diện theo ủy quyền của ông Phan Trường L có làm đơn thay đổi một phần nội dung đơn kiện yêu cầu ông Lê Văn P và bà Phan Thị

Thu H trả cho ông Phan Trường L số tiền 4.936.946.000 đồng và lãi suất từ ngày 13/4/2022 cho đến nay.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Thu H là bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Sau khi bà Phan Thị Thu H được biết nội dung đơn khởi kiện và một số tài liệu do ông Phan Trường L nộp kèm đơn kiện, bà Phan Thị Thu H khẳng định: Vợ chồng bà (Lê Văn P, Phan Thị Thu H) không nhờ ông Phan Trường L vay số tiền 7.000.000.000 đồng tại V để ông Phan Trường L lại cho vợ chồng bà H, ông P vay lại số tiền 5.500.000.000 đồng vào ngày 13/4/2022. Do đó, bà Phan Thị Thu H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trường L, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS - ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết của UBND tỉnh số 326/2016/UBND ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Trường L.

Buộc ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H hoàn trả ông Phan Trường L số tiền gốc 4.936.946.000 đồng và số tiền 1.172.650.152 đồng lãi suất. Tổng cộng phải trả là 6.109.596.152 đồng.

Ông Lê Văn P và bà Phan Thị Thu H tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 4806599.22 ngày 04/4/2022 và phụ lục hợp đồng 7541977.23 ngày 19/5/2023 của Ngân hàng V từ ngày 06/4/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/5/2024, bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H có đơn kháng cáo với nội dung: Ông P, bà H không vay số tiền 5.500.000.000 đồng như ông Phan Trường L khởi kiện. Thực tế ông P, bà H chỉ vay của ông L tổng số tiền 350.000.000 đồng nhưng sau đó đã nhiều lần chuyển trả vào tài khoản ngân hàng V của ông L với số tiền gần 600.000.000 đồng. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 364/QĐ – VKS – DS kháng nghị đối

với Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DSST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan, tuyên án không rõ, căn cứ tính lãi suất không đúng, không tuyên nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải thanh toán cho ông Phan Trường L số tiền nợ gốc là 4.577.435.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Lê Văn P, bà Nguyễn Thị Thu H2 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Văn P là luật sư Phạm Văn N trình bày: Ngày 13/4/2022, sau khi được Ngân hàng V giải ngân số tiền 7.000.000.000 đồng vào tài khoản thì ông Phan Trường L đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 6.450.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị H3 số tiền 100.000.000 đồng nên không thể có số tiền 5.500.000.000 đồng để cho ông Lê Văn P vay theo giấy mượn tiền. Mặt khác, ông Phan Trường L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã giao tiền cho ông P. Do đó đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 364/QĐ – VKS – DS ngày 26/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H, chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 364/QĐ – VKS – DS ngày 26/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk làm trong thời hạn luật định, ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[1.2]. Đối với việc thay đổi nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy, ngày 20/01/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc P và bà H phải trả cho ông L số tiền 4.936.946.000 đồng nợ gốc và yêu cầu tính lãi là 15%/năm kể từ ngày 13/4/2022 cho đến khi trả nợ xong.

Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải thanh toán cho ông Phan Trường L số tiền nợ gốc là 4.577.435.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi nội dung khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và không làm bất lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận việc thay đổi nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các đương sự đều xác định, ngày 13/4/2022, sau khi Ngân hàng V giải ngân số tiền 7.000.000.000 đồng vào tài khoản, ông Phan Trường L đã chuyển khoản tới số tài khoản 9377040677777777 tên tài khoản: Nguyễn Hữu T số tiền 6.450.000.000 đồng và chuyển khoản đến số tài khoản 001239999 tên tài khoản: Bùi Thị H4 số tiền 100.000.000 đồng.

Phía nguyên đơn cho rằng do trước đó ông P có vay tiền của ông Bùi Hữu T1 để tất toán khoản vay 6.000.000.000 đồng tại Ngân hàng A chi nhánh B nên sau khi ông L được giải ngân, ông P đã yêu cầu ông L chuyển khoản cho ông Bùi Hữu T1 số tiền 6.450.000.000 đồng để trả nợ cho ông P và chuyển cho bà Nguyễn Thị H3 số tiền 100.000.000 đồng. Việc ông L chuyển khoản cho ông T1 và bà H3 là theo thông tin do ông P cung cấp, còn ông T1 và bà H3 là ai thì ông L không được biết. Tuy nhiên, lời trình bày của phía nguyên đơn không được ông Lê Văn P thừa nhận, ông P cũng không biết ông T1, bà H3 là ai.

Do các bên đều xác định không biết ông T1 là ai và không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án nên việc ông Phan Trường L chuyển khoản cho ông Bùi Hữu T1 số tiền 6.450.000.000 đồng nhằm mục đích gì, Tòa án không thể xác minh làm rõ.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị đơn và Kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, HĐXX nhận định như sau:

Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2024, ông Lê Văn P trình bày: Ông Lê Văn P xác định, chữ ký và chữ viết đứng tên L.V. P trong giấy mượn tiền đề ngày 13/4/2022 là chữ ký và chữ viết của ông P. Tuy nhiên, sự việc cụ thể như sau: Do cần vốn để làm ăn nên ông Lê Văn P đã nhờ ông Phan Trường L (là anh trai của vợ ông P) đứng ra thế chấp tài sản để vay tiền rồi cho ông P vay lại. Sau đó, ông L đã thế chấp tài sản là căn nhà tại số C T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 07 tỷ đồng tại ngân hàng V. Sau đó, ông L đã lập sẵn giấy mượn tiền với nội dung là ông Lê Văn P và vợ là bà Phan Thị Thu H mượn của ông Phan Trường L số tiền 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng) và yêu cầu ông P ký vào. Do thấy số tiền mà ông P có nhu cầu mượn là không đúng nên tại mục ý kiến của các bên, ông P đã viết thêm nội dung: Đồng ý với việc nhờ ông L đứng ra vay tại Ngân hàng V, tuy nhiên số tiền mà ông P cần là khoảng 5,5 tỷ. Việc ông P không viết rõ số tiền cụ thể mà chỉ ghi là “khoảng” là do khi đó ông L chưa chuyển tiền cho ông P nên ông P không rõ ông L sẽ cho vay số tiền chính xác là bao nhiêu. Mặt khác, do là anh em nên ông P tin tưởng rằng sau khi ông L chuyển tiền thì số tiền ông L cho ông P vay sẽ thể hiện ở tài khoản. Do đó, mặc dù chưa nhận được tiền, ông P vẫn đồng ý ký giấy vay. Tuy nhiên, sau khi ông P giấy vay thì ông L không đưa tiền hay chuyển tiền vào tài khoản cho ông P1 vay như thoả thuận mà chỉ chuyển cho ông P tổng số tiền 350.000.000 đồng (số tiền này được chuyển làm 03 lần, 02 lần 10.000.000 đồng và 01 lần 330.000.000 đồng). Số tiền này ông P đã chuyển trả hết cho ông L.

Xét lời khai của ông P hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm xác lập giấy vay tiền ngày 13/4/2022, ông Lê Văn P là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ông P ký giấy vay tiền trên cơ sở tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc. Sau khi ký giấy vay tiền, ông P cho rằng số tiền vay thực tế là 350.000.000 đồng nhưng ông P lại không yêu cầu ông L hủy giấy vay tiền cũ hoặc xác lập giao dịch vay tiền mới. Mặt khác, tại Công văn số 3222274.24 ngày 20/8/2024 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V) – Chi nhánh S – Phòng G1 xác định: Sau ngày 13/4/2022, số tài khoản 888891969 của ông Phan Trường L có nhiều lần phát sinh giao dịch nhận tiền từ tài khoản đứng tên LE VAN PHUONG (Lê Văn P) với tổng số tiền là 860.535.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào báo cáo giao dịch chuyển tiền qua NaPas – chi nhánh thể hiện do Ngân hàng cung cấp kèm

theo Công văn nói trên (có xác nhận của Kiểm soát viên Nguyễn Thị Thu H5) thì tổng số tiền ông Lê Văn P chuyển cho ông Phan Trường L là 922.565.000 đồng, trong đó có nhiều lần ông Lê Văn P chuyển tiền với nội dung: “ck goc va lai vib sg”, “tien lai T8/2022”, “lai T9”, “nop tien lai T9”, “goc + lai”. Như vậy, việc ông P cho rằng chỉ vay Phan Trường L số tiền 350.000.000 đồng là mâu thuẫn với việc ông P chuyển khoản cho ông L tổng số tiền 922.565.000 đồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định có việc ông Lê Văn P vay của ông Phan Trường L số tiền 5.500.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/4/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2024, ông Lê Văn P xác định: Việc ông P nhờ ông L đứng ra vay mượn tiền và việc ông P ký tên trong giấy mượn tiền đề ngày 13/4/2022 thì vợ ông là bà Phan Thị Thu H không được biết. Bà H cũng cho rằng bà và ông P không nhờ ông L vay tiền nên không đồng ý trả nợ. HĐXX xét thấy, mặc dù bà H không ký giấy nhưng tại thời điểm vay mượn bà H và ông P là vợ chồng, số tiền vay mục đích kinh doanh là phát triển công ty TNHH X và bà H là thành viên góp vốn của công ty (giấy đăng ký kinh doanh mã số 6000440837 ngày 14/12/2022). Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Phan Thị Thu H cũng phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho ông Phan Trường L là có căn cứ.

[2.3]. Về số tiền vay:

Căn cứ vào báo cáo giao dịch chuyển tiền qua NaPas – chi nhánh thể hiện do Ngân hàng V cung cấp, tính đến ngày 26/6/2023, ông Lê Văn P đã chuyển khoản cho ông Phan Trường L tổng số tiền 922.565.000 đồng nên cần khấu trừ số tiền này vào số tiền nợ 5.500.000.000 đồng, như vậy, số tiền nợ gốc ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H còn phải trả cho ông Phan Trường L là: $5.500.000.000 \text{ đồng} - 922.565.000 \text{ đồng} = 4.577.435.000 \text{ đồng}$. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải trả cho ông Phan Trường L số tiền nợ gốc là 4.936.946.000 đồng là chưa chính xác. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 4.577.435.000 đồng. Vì vậy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H, sửa bản án sơ thẩm về số tiền nợ gốc ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải trả cho ông Phan Trường L.

[2.4]. Về lãi suất và nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả khi thi hành án, HĐXX nhận định như sau:

Tại Giấy mượn tiền ngày 13/4/2022 giữa ông L và ông P, các bên không thỏa thuận về việc ông P phải trả lãi suất theo như hợp đồng tín dụng do ông L

đã ký với Ngân hàng vào ngày 04/4/2022 và phụ lục hợp đồng ngày 19/5/2022. Trong nội dung Giấy mượn tiền nói trên cũng không có thoả thuận về lãi suất nên đây là hợp đồng vay không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải chịu tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng do ông L đã ký với Ngân hàng là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/ NQ – HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Ông Phan Trường L chỉ được yêu cầu ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc.

Theo báo Báo cáo giao dịch chuyển tiền qua N1 – chi nhánh do Ngân hàng V cung cấp, thời điểm cuối cùng ông P chuyển khoản cho ông Phan Trường L là ngày 01/6/2023, do đó, thời gian chậm trả nợ gốc được tính từ ngày tiếp theo (ngày 02/6/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/4/2024) = 309 ngày.

Như vậy, số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn ông P, bà H phải trả cho ông L là: $4.577.435.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} \times 309 \text{ ngày} = 387.514.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số).

Tổng số tiền mà ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải trả cho ông Phan Trường L là: $4.577.435.000 \text{ đồng}$ (tiền gốc) + $387.514.000 \text{ đồng}$ (tiền lãi) = $4.964.949.000 \text{ đồng}$.

Đối với nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả khi thi hành án, xét thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, không phải tranh chấp hợp đồng tín dụng, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 04/4/2022 và phụ lục hợp đồng ngày 19/5/2023 của Ngân hàng từ ngày 06/4/2024 cho đến khi trả nợ xong nợ gốc là không đúng. Trường hợp này cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, buộc bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải chịu mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong.

[2.5]. Từ những phân tích, nhận định nói trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H và một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 346/QĐ – VKS – DS ngày 26/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, sửa một phần

bản án sơ thẩm về số tiền nợ gốc phải thanh toán, tiền lãi và nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả khi thi hành án.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền phải thanh toán nên cần tính lại án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể như sau:

- Bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải trả cho ông Phan Trường L là 4.964.949.000 đồng theo mức: 112.000.000 đồng + 0,1% (4.964.949.000 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 112.965.000 đồng (làm tròn số).

- Nguyên đơn ông Phan Trường L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3.3]. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải chịu số tiền 5.400.000 đồng chi phí giám định chữ viết và chữ ký. Hoàn trả cho ông Phan Trường L số tiền 5.400.000 đồng sau khi thu được của ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H.

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 346/QĐ – VKS – DS ngày 26/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS – ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Trường L.

Buộc ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải trả cho ông Phan Trường L tổng số tiền 4.964.949.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 4.577.435.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 387.514.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải chịu 112.965.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Trường L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 57.614.012 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Trường L đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004547 ngày 27/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự TP B.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông P, bà H được nhận lại số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số AA/2023/0009942 và AA/2023/0009943 do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay ngày 24/4/2024.

[3.3]. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H phải chịu số tiền 5.400.000 đồng chi phí giám định chữ viết và chữ ký. Hoàn trả cho ông Phan Trường L số tiền 5.400.000 đồng sau khi thu được của ông Lê Văn P, bà Phan Thị Thu H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân

